

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CƯ JUT
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2026-2027
Số: 18/BC-THTP

I- THÔNG TIN CHUNG²

1- Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Trần Phú

2- Địa điểm trụ sở chính: Bon U2, xã Cư Jut, Tỉnh Lâm Đồng. Trường có 01 điểm chính.
Điện thoại số : 0917.078.448, địa chỉ trang tin điện tử: c1tranphu.pgdcujut.edu.vn.

3- Loại hình cơ sở giáo dục: công lập

4- Sứ mệnh: Xây dựng nhà trường hạnh phúc; Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của học sinh, nâng cao uy tín và thương hiệu của nhà trường.

Tầm nhìn: Trở thành trường Tiểu học chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, phát triển năng lực và tư duy sáng tạo; Xây dựng nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức 2;

Mục tiêu giáo dục: Xây dựng nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, tạo uy tín về chất lượng giáo dục; là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước và thời đại; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống, lương tâm, trách nhiệm của nhà giáo; Giáo dục nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; học sinh năng động sáng tạo đảm bảo về năng lực, phẩm chất... xây dựng trường học hạnh phúc.

Quá trình thành lập và phát triển: Trường Tiểu học Trần Phú (tiền thân là trường tiểu học A thị trấn Eatling) được thành lập từ năm 1994 theo Quyết định số 10/TCCB ngày 13 tháng 8 năm 1994 của Giám đốc Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc tách trường phổ thông cơ sở cấp I thị trấn EaTling thuộc phòng Giáo dục đào tạo huyện Cư Jut, thành lập trường tiểu học A thị trấn Eatling và trường tiểu học B thị trấn Eatling. Đến năm 2008, trường đổi tên thành trường tiểu học Trần Phú như ngày nay.

Những đặc điểm của trường Về số lớp và học sinh: Trường có 20 lớp với tổng số 645 học sinh. HS Nữ là 312 em, HS dân tộc là 303 em;

Về tổ chức đảng, đoàn thể: Chi bộ trường Tiểu học Trần Phú trực thuộc Đảng bộ xã Cư Jut với 18 Đảng viên; Liên đội có 645 Đội viên Nhi đồng.

5- Thông tin người đại diện: Bà Trần Thị Như Quỳnh; chức vụ Hiệu trưởng; Địa chỉ làm việc: Bon U2, xã Cư Jut, tỉnh Lam Đồng; Số điện thoại 0917.078.448, hộp thư điện tử quynhtran2012@gmail.com

6- Bộ máy nhà trường.

- Trường Tiểu học Trần Phú (tiền thân là trường tiểu học A thị trấn Eatling) được thành lập từ năm 1994 theo Quyết định số 10/TCCB ngày 13 tháng 8 năm 1994 của Giám đốc Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc tách trường phổ thông cơ sở cấp I thị trấn EaTling thuộc phòng Giáo dục đào tạo huyện Cư Jut, thành lập trường tiểu học A thị trấn Eatling và trường tiểu học B thị trấn Eatling. Đến năm 2006, trường đổi tên thành trường tiểu học Trần Phú theo quyết định 2041/QĐ-UB ngày 12 tháng 9 năm 2006 của UBND huyện Cư Jut.

-Trường có hộp thư điện tử tại địa chỉ: truongthtranphueatling@gmail.com người đảm nhiệm hộp thư điện tử gồm Phó hiệu trưởng; Văn thư đảm nhiệm.

7- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: (Kèm theo) gồm Kế hoạch chiến lược; Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; kế hoạch phát triển nhà giáo.

II - ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Tổng số cán bộ giáo viên công nhân viên toàn trường 40 (chia ra lãnh đạo: 03; Giáo viên: 31; Tổng phụ trách đội: 01; Nhân viên: 05).

-Số lượng cán bộ giáo viên, công nhân viên, tay nghề, trình độ đào tạo:

Giáo viên								
STT	Họ tên giáo viên	Chuyên môn	GV hạng	Ngoại ngữ	Tin học	GV dạy giỏi	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Áng	ĐH	II	B	B	Huyện	KT khối 1	GV cơ bản
2	Nguyễn Thị Tường	ĐH	II	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
3	Nguyễn Thị Bích Liên	ĐH	III	C	B	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
4	Lê Thị Minh Hiền	ĐH	III	B	B	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
5	Nguyễn Thị Vân Anh	CĐ	III	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
6	Nguyễn Thị Hòa	TC	IV			Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
7	Hoàng Thị Ái Xuân	ĐH	III	B	UDCB	Huyện	KT khối 2	GV cơ bản
8	Nguyễn Thị Hằng	ĐH	II	Ê đê	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
9	Nguyễn Thị Hiền	ĐH	III	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản

10	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	ĐH	II	B	A	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
11	Nguyễn Thị Nho	ĐH	II	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
12	Nguyễn Thị Giang Thủy	ĐH	II		UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
13	Lê Thị Oanh	ĐH	II	Ê-đê	ƯDCB	Huyện	KT khối 3	GV cơ bản
14	Phạm Thị Lương	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
15	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ĐH	III	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
16	Nguyễn Thị Trang	ĐH	III	B	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
17	Hoàng Thị Vân	TC	IV	B1	TC CNTT		Giáo viên	GV tin
18	Phạm Văn Dự	ĐH	II	B1	ƯDCB	Cấp Tỉnh	Giáo viên	GV GDTC
19	Vương Thị Khuê	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	KT khối 4	GV cơ bản
20	Nguyễn Thị Miên	ĐH	II	B1	A	Cấp Tỉnh	Giáo viên	GV cơ bản
21	Đinh Thị Hiền	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
22	Trương Thị Bích Phượng	ĐH	III	B1	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
23	Tôn Nữ Trà Ly	ĐH	II	B2	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV TA
24	Lương Thị Phương Mai	ĐH	III	B2	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV TA
25	Hoàng Thị Sâm	ĐH	III	B2	UDCB	Trường	Giáo viên	GV TA
26	Nguyễn Thị Thu Hằng	ĐH	II	B	A	Tỉnh	KT khối 5	GV cơ bản
27	Nguyễn Thị Chín	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
28	Lưu Thúy Hằng	ĐH	III	B1	ƯDCB	Tỉnh	Giáo viên	Gv cơ bản
29	Hoàng Thị Loan	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
30	Triệu Thị Thảo	CĐ	III	B	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
31	Lê Thị Xuân Ánh	ĐH	III	B	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV AN
Lãnh đạo nhà trường								
32	Trần Thị Như Quỳnh	ThS	II	B1	UDCB	Huyện		Hiệu trưởng
33	Phạm Thị Viêt	ĐH	II	B	UDCB	Tỉnh		P.Hiệu trưởng
34	Dương Văn Lâm	ĐH	II	B	UDCB	Huyện		P.hiệu trưởng
Tổng phụ trách								
35	Trần Thị Thanh Thúy	ĐH	II	Ê Đê	ƯDCB	Tỉnh	GV - TPTĐ	GV-TPTĐ

Nhân viên								
36	Hoàng Thị Thu Thủy	CD		B	ƯDCB		Nhân viên	NV-YTHĐ
37	Nguyễn Thị Thảo Trang	ĐH		B	ƯDCB		Nhân viên	Kế toán
38	Lê Thị Tường	TC		B	Tin học VP		Nhân viên	Văn thư
39	Nguyễn Thị Ngọc	CD		B	ƯDCB		Nhân viên	NV TV-TB
Nhân viên Bảo vệ								
40	Đinh Hữu Chung						Nhân viên	BV

Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

Tổng số: 35 (chia ra Lãnh đạo: 03; giáo viên: 32); Kết quả xếp loại Khá: 0/35 đạt tỉ lệ 0%; xếp loại Tốt: 35/35 đạt tỉ lệ 100%.

- Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

Tổng số: 35 (chia ra Lãnh đạo: 3; giáo viên: 32); Kết quả hoàn thành công tác bồi dưỡng 35/35 đạt tỉ lệ 100%

III- CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

Diện tích chung: 6118 m²

+ Diện tích XD: Khoảng 2.394m² ; Diện tích còn lại: 3724 m², (trong đó DT bãi tập 1800 m²).

Danh mục các phòng

Số TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	Phòng	20	920	
2	Phòng bộ môn Âm nhạc	Phòng	01	46	
3	Phòng bộ môn Mỹ thuật	Phòng	0	0	
4	Phòng bộ môn Tin học	Phòng	01	46	
5	Phòng bộ môn Ngoại ngữ	Phòng	01	46	
6	Phòng đa chức năng	Phòng	0	0	
II	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện		01	60	
2	Phòng thiết bị giáo dục		01	40	

3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập		0	0	
4	Phòng Đội Thiếu niên		01	46	

5	Phòng truyền thống		0	0	
	Phòng trưng bày GD Stem		0	0	
III	Khối phụ trợ				
1	Phòng họp	Phòng	01	70	
2	Phòng y tế học đường	Phòng	01	20	
3	Nhà kho	Kho	0	0	
4	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	0	0	
5	Phòng giáo viên	Phòng	0	0	
IV	Khối Phòng hành chính				
1	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	25	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	01	25	
3	Văn phòng	Phòng	0	0	
4	Phòng Bảo vệ	Phòng	01	10.5	
V	Khu sân chơi, TDTT				
1	Sân trường	Sân	01	1800	
2	Sân TDTT	Sân	0	0	
3	Nhà Đa năng	Nhà	0	0	
VI	Khối phục vụ sinh hoạt				
1	Nhà bếp	Nhà	01	40	
2	Kho bếp	Nhà	01	10	
3	Nhà ăn	Nhà	01	60	
4	Nhà ở nội trú	Nhà	0	0	
5	Phòng quản lý học sinh	Phòng	0	0	
6	Phòng sinh hoạt chung	Phòng	0	0	

Bảng thống kê nhà vệ sinh học sinh

1	Nhà vệ sinh học sinh	Nhà	2	30 (Nam=25 Nữ=25)	Nam, nữ riêng
Bảng thống kê nhà vệ sinh giáo viên					
1	Khu vệ sinh giáo viên	Nhà	2	24 (Nam=12m ² Nữ=12m ²)	Nam, nữ riêng
Bảng thống kê nhà xe					
1	Nhà xe CBGVCSNV và học sinh	Nhà	04	180	GV 60 m ² HS 150 m ²

Mỗi phòng học được trang bị, trang trí lớp học đúng quy định. Bàn ghế trong các phòng học đủ. Sắp xếp theo quy định; Số bàn ghế đúng quy cách đạt 45 %.

IV- KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nhà trường tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về sửa đổi bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; nhà trường hàng năm có xây dựng kế hoạch, tập hợp minh chứng, tiến hành tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến, Năm học 2019- 2020 đánh giá ngoài công nhận trường TH Trần Phú đạt KĐCL cấp độ 2; nhà trường duy trì và giữ vững trường đạt CQG mức độ 1. Năm 2025-2026, trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng về kiểm tra đánh giá ngoài và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

<i>I. Kết quả học tập</i>	<i>1. Tiếng Việt</i>	<i>2. Toán</i>	<i>3. Khoa học</i>	<i>4. Lịch sử và Địa lí</i>	<i>5. Ngoại ngữ 1</i>	<i>6. Đạo đức</i>	<i>7. Tự nhiên và Xã hội</i>	<i>8. Âm nhạc</i>	<i>9. Mỹ thuật</i>	<i>10. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)</i>	<i>11. Tin học và Công nghệ (Tin học)</i>	<i>12. Giáo dục thể chất</i>	<i>13. Hoạt động trải nghiệm</i>
Tổng số	645	645	270	270	409	645	375	645	645	409	409	645	645
Hoàn thành tốt	454	478	224	200	291	444	255	432	434	327	304	502	434
Hoàn thành	185	161	46	70	118	201	120	212	210	82	105	142	210
Chưa hoàn thành	6	6	0	0	0	0	1	1	1	0	0	1	1

II. Năng lực	1. Tự chủ và tự học	2. Giao tiếp và hợp tác	3. GQVĐ và sáng tạo	4. Ngôn ngữ	5. Tính toán	6. Khoa học	7. Công nghệ	8. Tin học	9. Thẩm mỹ	10. Thể chất
Tổng số	645	645	645	645	645	645	409	409	645	645
Tốt	433	441	418	437	453	452	314	294	434	473
Đạt	208	200	223	203	186	189	95	115	208	170
Cần cố gắng	4	4	4	5	6	4	0	0	3	2

III. Phẩm chất chủ yếu	1. Yêu nước	2. Nhân ái	3. Chăm chỉ	4. Trung thực	5. Trách nhiệm
Tổng số	645	645	645	645	645
Tốt	523	502	431	481	464
Đạt	122	142	212	163	178
Cần cố gắng	0	1	2	1	3

IV. Đánh giá KQHT	645
- Hoàn thành xuất sắc	129
- Hoàn thành tốt	274
- Hoàn thành	236
- Chưa hoàn thành	6

Hoàn thành chương trình lớp học: 504 (99,07%)
 Hoàn thành chương trình tiểu học: 135 (100%)
 Rèn luyện trong hè: 6 (0.93%)
 Khen thưởng học sinh xuất sắc: 129 (20%)
 Khen thưởng học sinh tiêu biểu: 274 (42,48%)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1-Tiền ngân sách đến 30/6/2026

-Tồn năm 2024 sang: 56.000.000 (gồm nguồn 13 : 10.000.000đ; nguồn 14 : 46.000.000đ)
 -Cấp dự toán trong năm: 10.744.000.000đ
 -Cấp bổ sung :281.973.000đ
 -Chi đến 30/6/2026 : 5.320.990.406đ
 Tồn chuyển 1/7/2026 : 5.790.980.594đ

Chi tiết các khoản chi như sau:

- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương, BHXH+YT.. : 4.917.767.814đ

Chi hoạt động: 341.523.493đ Trong đó:

+ Chi tiền kê giáo viên dạy thể dục: 15.912.000đ
 + Chi tiền bảo vệ: 38.748.996đ

+ Chi thường xuyên điện, nước, internet, rác , nước , VPP, công tác phí, sửa chữa, bảo trì các phần mềm, mua máy tính, các chương trình hội xuân, rung chuông vàng.... 286.862.497đ

-Chi không thường xuyên : 61.701.099 đ bao gồm chế độ học sinh theo ND 238, NQ 11, kiểm định trường chuẩn

2- Các khoản thu quỹ NH 2025-2026

a/BHTN:

b/ Tiền vệ sinh trường lớp: 69.984.000đ/648 em + tồn tại tiền gửi :681.447đ + lãi ngân hàng : 15.407đ=70.680.854đ

- Chi trả lương+ mua đồ dùng vệ sinh :60.045.840đ; trả phí ngân hàng : 368.500đ ; trả lại tiền cho học sinh : 10.262.939đ/648 em

- Tồn : 3.575 đ (lãi ngân hàng).

c/ Tiền Bán trú học sinh: -thu : 390.314.000đ + lãi 147.158đ =390.461.158đ

-Chi ăn và quản lý hs bán trú :387.013.873đ + phí ngân hàng : 66.000đ

- Chi trả tiền dư cho hs bán trú (90 em) : 3.296.827đ

- Tồn : 84.458đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1- Kết quả các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Nội dung thực hiện và chỉ tiêu đề ra	Kết quả đạt được
1	Nhà trường đảm bảo tốt các điều kiện an toàn trường học, phòng chống thiên tai, dịch bệnh.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
2	Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt từ 92% trở lên (trong đó tỷ lệ trẻ lớp 1 học đúng độ tuổi đạt từ 100%).	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
3	Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
4	Xây dựng TĐG trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; chuẩn quốc gia mức độ 1.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
5	100% CBQL, GV; thiết lập học bạ điện tử từ lớp 1 đến lớp 5; quản lý hồ sơ chuyên môn; soạn và duyệt kế hoạch bài dạy, lập sổ chủ nhiệm, sổ đăng bộ,... và trình duyệt trên các hệ thống quản lý trên CSDL ngành.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.

6	Các lớp, các phòng thực hiện trang trí đầy đủ các hệ thống biểu bảng (bao gồm cờ nước, ảnh Bác, khẩu hiệu, gốc sản phẩm STEM, chương trình GDPT năm 2018.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
7	Viên chức đạt trình độ đại học trở lên đạt 89%; Viên chức tham gia bồi dưỡng Chương trình GDPT 2018 và bồi dưỡng thường xuyên đạt kết quả 100%.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
8	Xây dựng CLB năng khiếu (CLB Tiếng Anh, CLB năng khiếu các môn học, CLB dân vũ, thể thao).	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
9	Thực hiện tốt công tác khai thác, đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đánh giá tốt.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
10	Học sinh lớp 1, 2 được làm quen học tiếng Anh 100%; Tổ chức dạy học tiếng Anh và Tin học bắt buộc từ lớp 3 hiệu quả theo Chương trình GDPT 2018 đạt 100%.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
11	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch kênh truyền thông của đơn vị đến cộng đồng; 100% các lớp có thành lập nhóm Zalo với PHHS đảm bảo thông tin liên lạc.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
12	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp 1 (từ lớp 1 đến lớp 4) đạt từ 99,07% trở lên; Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
13	Thực hiện duy trì sĩ số đạt 100% đến cuối năm, có 20 lớp xây dựng tốt nền nếp lớp.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
14	100% Giáo viên không vi phạm về quy định của ngành và đạo đức nhà giáo	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
15	Danh hiệu Thi đua Tập thể: Đạt Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.

VIII. Kết quả thực hiện các hoạt động giáo dục, các phong trào thi đua

Trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, toàn thể ban giám hiệu và giáo viên đã tích cực học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng tốt yêu cầu và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tất cả giáo viên đã lên kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên và học tập đúng tiến độ.

100% giáo viên hoàn thành 120 tiết chương trình bồi dưỡng thường xuyên và được Sở giáo dục xét đã hoàn thành.

Chuyên môn phối hợp với các tổ khối trường kiểm tra hoạt động của 1 tổ khối, 1 giáo viên, 6 lớp học. Kết quả, tính đến thời điểm kiểm tra, các đối tượng được kiểm tra đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ngoài ra, toàn thể giáo viên còn nghiêm túc tham gia tất cả các đợt bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn do các cấp tổ chức như:

- Tổ chức nghiên cứu 3 chuyên đề của Phòng GDTH Lâm Đồng gồm có: Chuyên đề Chuẩn bị hành trang cho con vào lớp 1, Nâng cao năng lực giáo viên tổ chức Hoạt động trải nghiệm Tích hợp Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng, Chuyên đề Nâng cao năng lực giáo viên tổ chức hoạt động dạy học Toán nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Tập huấn dạy lồng ghép nội dung quốc phòng và an ninh; tích hợp nội dung giáo dục Quyền con người

- Tập huấn 3 mô đun trên TEMIS gồm có: hướng dẫn trẻ sử dụng mạng internet an toàn và hiệu quả, học thông qua chơi, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong dạy và học

- Tập huấn công tác chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu trường và học bạ số

- Tập huấn dạy học âm nhạc, mỹ thuật theo STEAM

- Tập huấn dạy toán, TV cho học sinh trường phổ thông bán trú

- Tập huấn CBQL, GV triển khai phát triển năng lực số cho HS cấp tiểu học

- Tham gia tập huấn cấp cụm chuyên môn nội dung Nâng cao năng lực xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho CBQL, giáo viên các cụm chuyên môn khối tiểu học.

Để từng bước chuẩn hoá và nâng cao năng lực kiểm tra, đánh giá học sinh cho giáo viên, các tổ khối đã tổ chức triển khai nội dung được tập huấn ở tổ khối và xây dựng ma trận và lập đề kiểm tra đánh giá định kì các môn học. Xây dựng ngân hàng đề thi.

Các tổ khối đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kì một tháng 2 lần, tập trung vào các nội dung như: nghiên cứu chương trình GDPT 2018, xây dựng và điều chỉnh kế hoạch dạy học, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Trong năm học, các tổ khối đã tổ chức thao giảng được 54 tiết, dự giờ được 532 tiết

Các tổ khối đã thực hiện báo cáo 5 chuyên đề và 5 tiết dạy minh hoạ về phương pháp dạy học, tập trung vào nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy.

Đã tổ chức 6 câu lạc bộ cho học sinh năng khiếu sinh hoạt đều đặn hàng tuần, là nơi phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh. Bên cạnh đó, các giáo viên đã tổ chức phụ đạo cho học sinh chưa đạt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu đạt kế hoạch đề ra.

Đã tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi trên internet như: thi IOE, Violimpic, Đấu trường Edu,... tạo sân chơi lành mạnh, giúp phát hiện và bồi dưỡng các năng lực đặc thù cho học sinh và đạt nhiều giải cao.

	Tỉnh				Quốc gia			
	Vàng	Bạc	Đồng	KK	Vàng	Bạc	Đồng	KK
IOE				2				1
Vio TV			5	2			1	1
Vio Toán								2

Vio Toán TA								
Vio LSĐL			3	2				2
Đầu trường Vio Edu	1		1	1				
Cộng	1		9	7			1	6

Tổ chức hoạt động ngoại khóa Rung chuông vàng môn Tiếng Anh cho học sinh khối 3,4,5 tham gia.

3. Công tác huy động nguồn lực cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục

Tổng kinh phí vận động các nguồn lực xã hội: 20.036.000 Đồng; Sự ủng hộ của các nhà mạnh thường quân 20.036.000 dùng để hỗ trợ học sinh gia đình có hoàn cảnh khó khăn mua bảo hiểm y tế; sửa chữa cơ sở vật chất cho nhà trường; Sự ủng hộ của các nhà hảo tâm tặng 150 suất quà, dụng cụ học tập, gạo, mì, xe đạp...

4. Công tác bảo hiểm học sinh năm qua

Kết quả: - Bảo hiểm Y tế: học sinh đạt 100% (học sinh có thẻ 645 em).

- Bảo hiểm thân thể: học sinh tham gia 456/645 đạt tỉ lệ 70,1%

5. Hiệu quả đào tạo.

Tổng số học sinh vào lớp 1 niên khoá 2021-2026: có 100 em; (Trong niên khóa 5 năm số học sinh chuyển trường đi 02 em, số học sinh bỏ học: 00 em);

Học sinh HTCTTH 135/135 đạt tỉ lệ 100%.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Ngọc Quỳnh

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.

